

**Rx Thuốc kê đơn** Hướng dẫn sử dụng thuốc

## ACYCLOVIR

- Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.
- Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
- Để thuốc xa tầm tay trẻ em.
- Không dùng thuốc quá hạn in trên bao bì.

**THÀNH PHẦN:** Mỗi tuýp 5 g cream chứa:

Hoạt chất:

Acyclovir: 250 mg Tá dược:

Propylene glycol, paraffine lỏng, cetanol, stearyl alcohol, sodium lauryl sulfate, polysorbate 60, Sorbitan monostearate, methylparaben, propylparaben, lavender oil, nước tinh khiết.

**MÔ TẢ:**

Kem màu trắng đồng nhất

**DUỢC LỰC HỌC/DUỢC ĐỘNG HỌC:**

**Dược lực học:**

Acyclovir là một chất tương tự nucleosid (acycloguanosin), có tác dụng chọn lọc trên tế bào nhiễm virus Herpes. Để có tác dụng acyclovir phải được phosphoryl hóa thành dạng có hoạt chất acyclovir triphosphat. Ở chặng đầu, acyclovir được chuyển hóa thành acyclovir monophosphat nhờ enzym của virus thymidikinase, sau đó chuyển tiếp thành acyclovir diphosphat và acyclovir triphosphat nhờ một số enzym khác của tế bào.

Tác dụng của acyclovir mạnh nhất trên virus Herpes simplex typ 1 (HSV -1) và kém hơn ở virus Herpes simplex typ 2 (HSV-2), Virus Varicella zoster (VZV) tác dụng yếu nhất trên cytomegalovirus (CMV). Trên lâm sàng không thấy acyclovir có hiệu quả trên người bị nhiễm CMV. Tác dụng chống virus Epstein Barr vẫn còn chưa rõ.

**Dược động học:**

Để đánh giá mức độ hấp thu của acyclovir người ta đã tiến hành nghiên cứu trên 6 bệnh nhân nam tự nguyện, bôi acyclovir trên lưng với diện tích 710 cm<sup>2</sup>, 5 lần/ ngày cách nhau 2 giờ và sử dụng trong vòng 4 ngày. Lượng kem dùng và bài tiết qua nước tiểu được định lượng hàng ngày. Nồng độ acyclovir trong huyết tương được định lượng 1 giờ sau khi dùng. Lượng acyclovir trung bình bài tiết qua đường niệu là 0,04 %. Nồng độ acyclovir trong huyết thanh nhỏ hơn 0,01 µM ở 5 bệnh nhân và 0,014 µM ở 1 bệnh nhân. Sự hấp thu toàn thân của acyclovir là rất nhỏ.

**CHỈ ĐỊNH:**

Điều trị những trường hợp virus herpes simplex môi và sinh dục

**LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:**

Acyclovir nên được dùng 5 lần mỗi ngày, cách nhau khoảng 4 giờ, bỏ qua liều ban đêm. Bôi thuốc vào vùng da bị tổn thương càng sớm càng tốt, ngay sau khi có dấu hiệu bị nhiễm virus. Nên dùng thuốc liên tục trong 5 ngày. Nếu tổn thương lành sau 5 ngày nên tiếp tục dùng thuốc thêm 5 ngày nữa.

### **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:**

Không dùng thuốc cho bệnh nhân quá mẫn với acyclovir.

### **CÁC CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG:**

- Chỉ dùng thuốc như một chế phẩm dùng ngoài.
- Không dùng thuốc cho giác mạc và niêm mạc mắt để điều trị nhãn khoa.
- Nếu bôi thuốc vào niêm mạc như miệng hoặc âm đạo có thể xảy ra kích ứng.

### **TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC:**

- Dùng đồng thời zidovudin và aciclovir có thể gây trạng thái ngủ lịm và lơ mơ. - Probenecid ức chế cạnh tranh đào thải aciclovir qua ống thận, nên tăng tới 40% và giảm thải trừ qua nước tiểu và độ thanh thải của aciclovir. - Amphotericin B và ketoconazol làm tăng hiệu lực chống virus của aciclovir. - Interferon làm tăng tác dụng chống virus in vitro của aciclovir. Thận trọng khi dùng thuốc tiêm aciclovir cho người bệnh trước đây đã có phản ứng về thần kinh với interferon. - Dùng aciclovir tiêm phải thận trọng với người bệnh đã có phản ứng về thần kinh khi dùng methotrexat.

### **SỬ DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:**

Sự hấp thu acyclovir cream vào tuần hoàn chung không đáng kể, vì vậy thuốc có thể sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú.

### **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:**

Cảm giác rất bỏng hoặc như bị kim châm có thể xảy ra thoáng qua sau khi dùng acyclovir cream. Một vài bệnh nhân bị nổi ban hoặc bị khô và tróc da nhẹ.

### **QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:**

- Triệu chứng: Có kết tủa trong ống thận khi nồng độ trong ống thận vượt quá độ hòa tan 2,5 mg/ml, hoặc khi creatinin huyết thanh cao, suy thận, trạng thái kích thích, bồn chồn, run, co giật, đánh trống ngực, cao huyết áp, khó tiểu tiện.

- Điều trị: Thăm tách máu người bệnh cho đến khi chức năng thận phục hồi, ngừng thuốc, cho truyền nước và điện giải.

**ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:** Bảo quản trong bao bì kín, ở nhiệt độ phòng không quá 30 °C, tránh ánh sáng.

**DẠNG BÀO CHẾ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 01 tuýp 5 gam.

**TIÊU CHUẨN:** Nhà sản xuất

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

### **SẢN XUẤT BỞI:**

SINIL PHARMACEUTICAL CO., LTD

28, Boksanggol-gil, Angeon-myeon, ChungJu-si, ChungChongBuk-do, Hàn Quốc